

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 274/2022/DS-GĐT

Ngày 28/9/2022

V/v tranh chấp chia tài sản chung
về quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Xuân – Thẩm phán cao cấp.

Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung – Thẩm phán cao cấp.

Ông Võ Văn Khoa – Thẩm phán cao cấp.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Lí – Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại về “*Tranh chấp chia tài sản chung về quyền sử dụng đất*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1961

Địa chỉ: 19/17, Khu phố Bình Dương 3, phường AB, thị xã DA, tỉnh BD.

2. Bị đơn: Ông Cao Văn B, sinh năm 1966

Địa chỉ: 7/16, Kp BĐ 3, phường AB, thị xã DA, BD.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1971 - Có yêu cầu độc lập;

3.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1948;

Cùng địa chỉ: 7/16/2, Khu phố 6, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ông Lê Văn E, sinh năm 1937.

Địa chỉ: 9/17, Khu phố BĐ 3, phường AB, thị xã DA, tỉnh BD.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Văn H có đơn khởi kiện và ông Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu độc lập về việc yêu cầu ông Cao Văn B chia tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 4.350m² tọa lạc tại khu phố BD 3, phường AB, thị xã DA, tỉnh BD. Phần đất trên có nguồn gốc của ông cố ngoại ông Hộ và ông ngoại của ông Nguyễn Văn N là ông Cao Văn Giản và bà Nguyễn Thị Tỏ khai phá và sử dụng trước năm 1966. Hiện nay, phần đất này do ông Cao Văn B là cháu kêu ông Cao Văn Giản là cố nội đang trực tiếp quản lý sử dụng, ông Cao Văn B đã đăng ký, kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện DA (nay là Ủy ban nhân dân thị xã DA) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S318323 (số vào sổ 720 QSDĐ/CQ.AB) ngày 27/9/2001. Ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn N yêu cầu chia tài sản chung cụ thể yêu cầu chia cho chi ông Cao Văn Tại do ông Hộ đại diện và chia cho chi bà Cao Thị Tần do ông Nguyễn Văn N đại diện mỗi chi được hưởng là 500m² đất. Về mối quan hệ thân tộc, ông Cao Văn Giản và bà Nguyễn Thị Tỏ (không rõ năm sinh và năm mất, xác định thời điểm chết trước năm 1975) có 08 người con trong đó có 03 con chết lúc nhỏ và 05 người còn lại là:

1/ Ông Cao Văn Sô (đã chết), có con là Cao Văn Quang, ông Cao Văn B là con ông Quang và là cháu nội của ông Cao Văn Sô.

2/ Ông Cao Văn Tại (đã chết năm 1982) kết hôn với bà Trần Thị Lệ (đã chết) có 02 con là ông Lê Văn E và bà Lê Thị Tư (đã chết), ông Nguyễn Văn H là con của bà Lê Thị Tư.

3/ Bà Cao Thị Mạn: hiện nay không biết còn sống hay đã mất, không có thông tin địa chỉ sinh sống.

4/ Bà Cao Thị Bé: hiện nay không biết còn sống hay đã mất, không có thông tin địa chỉ sinh sống.

5/ Bà Cao Thị Tần (đã chết) có con là Nguyễn Văn N.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 164/2018/QĐST-DS ngày 05/11/2018, Tòa án nhân dân thị xã DA, tỉnh BD có nội dung:

Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 303/2018/TLST-DS ngày 20/9/2018 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung về quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H với bị đơn là ông Cao Văn B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn E.

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn N không được khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/11/2018, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn N kháng cáo không đồng ý với quyết định dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải

quyết vụ án số 04/2019/QĐ-PT ngày 15/01/2019, Tòa án nhân dân tỉnh BD giải quyết:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn N. Giữ nguyên quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 164/2018/QĐST-DS ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã DA, tỉnh BD.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn tuyên về án phí, hiệu lực của quyết định.

Ngày 04/4/2019, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn H (do ông Trần Văn Chính đại diện theo ủy quyền) có đơn đề nghị kháng nghị quyết định dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Biên bản làm việc ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Văn N tiếp tục yêu cầu xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với quyết định dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 39/2022/KN-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị giám đốc thẩm đối với Quyết định phúc thẩm nêu trên. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy quyết định phúc thẩm và quyết định sơ thẩm nêu trên. Giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên quyết định phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn N cho rằng phần đất tranh chấp diện tích 4.350m² tọa lạc tại khu phố BĐ 3, phường AB, thị xã DA, tỉnh BD có nguồn gốc của vợ chồng cố Cao Văn Giản, cố Nguyễn Thị Tỏ khai phá, sử dụng. Cố Giản và cố Tỏ chết trước năm 1975. Cố Giản và cố Tỏ có 08 người con, trong đó có cụ Cao Văn Sở (đã chết) là ông nội của ông Cao Văn B (bị đơn), cụ Cao Văn Tại (đã chết) là ông ngoại của ông Nguyễn Văn H (nguyên đơn), cụ Cao Thị Tàn (đã chết) là mẹ của ông Nguyễn Văn N (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập). Sau khi cố Giản chết, phần đất nêu trên do con của cố Giản là cụ Cao Văn Tại sử dụng. Năm 1982, cụ Tại chết, phần diện tích đất này do ông Quang (cháu nội cụ Giản) sử dụng. Năm 1991, ông Quang chết, phần đất nêu trên do bà Nguyễn Thị H (là vợ ông Quang) và ông Cao Văn B (con của ông Quang) quản lý, sử dụng cho đến nay. Trên đất có các ngôi mộ của người trong thân tộc được chôn cất. Hiện nay, ông Cao Văn B ngăn cản không cho gia đình các ông vào chăm sóc khu mộ nên dẫn đến tranh chấp. Ông Hộ, ông Năm xác định phần đất tranh chấp là của cố Giản, cố Tỏ để lại cho con cháu nên yêu cầu ông Ban phân

chia phần đất nêu trên cho các chi là con cháu của của cố Giản, cố Tỏ.

[2]. Ông Cao Văn B thừa nhận phần đất nêu trên có nguồn gốc của cố Cao Văn Giản sử dụng từ trước năm 1966. Sau khi cố Giản chết thì phần đất này do ông Sở và cụ Tại (con cố Giản) sử dụng. Năm 1982, cụ Tại chết. Phần đất nêu trên do cha ông Ban là ông Cao Văn Quang (con ông Sở) sử dụng. Sau đó, ông Cao Văn B tiếp nhận, quản lý, sử dụng, kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/9/2001. Trên đất có 04 căn nhà, dãy nhà trọ, 15 ngôi mộ. Ông Ban không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Hộ và ông Năm vì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cố Giản, cố Tỏ đã hết; ông Hộ không đủ điều kiện khởi kiện vì không chứng minh được phần đất là tài sản chung chưa chia.

[3]. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự với nhận định cố Giản và cố Tỏ chết trước năm 1975 thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đã hết; ông Hộ và ông Năm không xuất trình được văn bản của các đồng thừa kế của cố Giản và cố Tỏ về việc thừa nhận di sản do người chết để lại chưa chia. Xét thấy, cố Giản và cố Tỏ chết trước năm 1975 không để lại di chúc, các con của cố Giản, cố Tỏ chưa phân chia di sản thừa kế. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế đối với bất động sản là 30 năm. Như vậy, tại thời điểm năm 2018 khi ông Hộ khởi kiện và ông Năm có yêu cầu độc lập yêu cầu chia di sản thừa kế do cố Giản, cố Tỏ chết để lại thì còn trong thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế. Trường hợp còn thời hiệu khởi kiện phân chia di sản thừa kế thì sẽ không cần xem xét đến điều kiện để phân chia tài sản chung như Nghị Quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định.

[4]. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn nhận định cho rằng ông Hộ và ông Năm không có văn bản ủy quyền khởi kiện của những đồng thừa kế nên không được quyền khởi kiện; ông Hộ, ông Năm không được quyền khởi kiện lại vụ án là chưa chính xác. Trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm cần phải xác minh, làm rõ các hàng thừa kế của cố Giản, cố Tỏ hiện nay như thế nào, ai còn sống, ai đã chết, từ đó mới có cơ sở xác định người nào được quyền khởi kiện phân chia di sản thừa kế và người nào cần phải có giấy ủy quyền của các đồng thừa kế mới đủ điều kiện khởi kiện. Nếu ông Hộ, ông Năm cần phải có văn bản ủy quyền của các đồng thừa kế mà không cung cấp được cho Tòa án thì thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện và được khởi kiện lại vụ án khi đã đủ điều kiện khởi kiện và thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế vẫn còn.

[5]. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm nhận định cho rằng thời hiệu chia thừa kế đã hết, đồng thời các đương sự không xuất trình được văn bản của các đồng thừa kế cùng thừa nhận di sản do cố Giản, cố Tỏ để lại chưa chia để đình chỉ giải quyết vụ án là không đúng pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 337 và Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận Kháng nghị giám đốc thẩm số 39/2022/KN-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 04/2019/QĐ-PT ngày 15/01/2019, Tòa án nhân dân tỉnh BD và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 164/2018/QĐST-DS ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã DA, tỉnh BD về vụ án “*Tranh chấp chia tài sản chung về quyền sử dụng đất*” giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H với bị đơn là ông Cao Văn B; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã DA, tỉnh BD để xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và QLKH - TANDTC (để biết);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh BD;
- TAND thị xã DA, tỉnh BD;
- Chi Cục THADS thị xã DA, tỉnh BD;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT (VP, GDKT II, THS), hồ sơ vụ án.
(P.T.L)

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Xuân